

Số: 1600 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 21 tháng 8 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng  
thành phố Hải Phòng đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14/01/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; Văn bản số 2104/BNN-TCLN ngày 11/7/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND, ngày 25/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 124/TTr-SNN ngày 14/8/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020, với nội dung chủ yếu như sau:

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu chung**

- Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất đã được quy hoạch cho lâm nghiệp để bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có, trồng rừng mới, nâng cấp rừng trồng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên, trồng cây phân tán trên quỹ đất tận dụng....



- Thu hút mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước để bảo vệ và phát triển rừng, tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 đạt 4% và giai đoạn 2016 -2020 đạt 3,5%, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ cho ngành chế biến lâm sản.

- Bảo vệ vững chắc hệ thống đê điều, luồng tàu, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan; bảo tồn đa dạng sinh học và các nguồn gen quý hiếm.

- Nâng cao nhận thức, mức sống của người dân; thúc đẩy kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố phát triển, góp phần xây dựng thành phố sinh thái, giữ vững về an ninh chính trị, quốc phòng trong khu vực.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

- *Giai đoạn 2013-2015:*

Ưu tiên đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển, ven sông, đảm bảo hành lang các tuyến đê (đủ điều kiện trồng rừng) đều có dải rừng bảo vệ; bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng; trồng cây phân tán; cải tạo nâng cấp hệ thống rừng phòng hộ môi trường sinh thái khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư. Bảo tồn đa dạng sinh học và khôi phục các hệ sinh thái trong vùng.

Nâng tổng diện tích đất có rừng tập trung từ 17.989,2 ha năm 2012 lên 20.529,5 ha năm 2015. Độ che phủ của rừng tập trung đến hết năm 2015 đạt 13,4%. Trồng cây phân tán khu vực nông thôn 3.721.000 cây; trồng cây xanh khu vực đô thị 402.000 cây.

- *Giai đoạn 2016- 2020:*

Hoàn thành việc nâng cao chất lượng rừng, mở rộng dải rừng phòng hộ ngoài hành lang đê, tăng cường khả năng phòng hộ và bảo vệ môi trường sinh thái. Sử dụng rừng theo hướng phát triển bền vững, hiệu quả, cung cấp một phần nhu cầu lâm sản trong tiêu dùng của thành phố.

Nâng tổng diện tích đất có rừng tập trung từ 20.529,5 ha năm 2015 lên 24.238,1 ha năm 2020. Độ che phủ của rừng tập trung đến hết năm 2020 đạt 15,6%. Trồng cây phân tán khu vực nông thôn 4.025.000 cây, trồng cây xanh khu vực đô thị 351.000 cây.

## **2. Quy hoạch diện tích các loại rừng và đất lâm nghiệp đến năm 2020**

- Quy hoạch diện tích các loại rừng đến năm 2015 là 22.859,8 ha, gồm:

+ Đất rừng đặc dụng: 9.931,6 ha;

+ Đất rừng phòng hộ: 12.928,2 ha (gồm: Phòng hộ đồi núi 5.851,7 ha; phòng hộ ven biển, cửa sông 6.783,7 ha; phòng hộ ven sông 292,8 ha).

- Quy hoạch diện tích các loại rừng đến năm 2020 là 24.238,1 ha, gồm:

+ Đất rừng đặc dụng: 9.931,6 ha;

+ Đất rừng phòng hộ: 14.306,5 ha (gồm: Phòng hộ đồi núi 5.740,7 ha; phòng hộ ven biển, cửa sông 8.273,0 ha; phòng hộ ven sông 292,8 ha).



### **3. Các chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2013- 2020**

#### **3.1. Giai đoạn 2013 - 2015**

- Bảo vệ rừng: 52.262,4 lượt ha, bình quân 17.420,8 ha/năm, trong đó:
  - + Rừng đặc dụng: 24.804,9 lượt ha, bình quân 8.268,3 ha/năm.
  - + Rừng phòng hộ: 27.457,5 lượt ha, bình quân 9.152,5 ha/năm.
- Phát triển rừng, gồm:
  - + Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên (rừng đặc dụng) 4.689,9 lượt ha, bình quân 1.563,3 ha/năm.
  - + Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung (rừng đặc dụng) 1.235,0 ha, bình quân 411,7 ha/năm.
  - + Trồng rừng mới: 2.391,4 ha, gồm:
    - Trồng rừng đặc dụng đồi núi: 100,0 ha
    - Trồng rừng phòng hộ: 2.291,4 ha (rừng phòng hộ đồi núi 799,2 ha; rừng phòng hộ ven sông 131,5 ha; rừng phòng hộ ven biển 1.320,7 ha; rừng phòng hộ cửa sông 40,0 ha).
  - Trồng cây cảnh quan ven đường tại trung tâm Vườn quốc gia Cát Bà: 3,6 ha.
  - Trồng cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng phòng hộ: 800,0 ha.
  - Trồng cây phân tán: 4.123 nghìn cây (Trồng cây phân tán ở khu vực nông thôn 3.721 nghìn cây, trồng cây ở thị trấn các huyện 32,0 nghìn cây, trồng cây đô thị ở các quận 170 nghìn cây, trồng cây xanh công viên 200,0 nghìn cây).
  - Khai thác lâm sản: Gỗ 15.000 m<sup>3</sup>, bình quân 5.000 m<sup>3</sup> gỗ/năm.
  - Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp.

#### **3.2. Giai đoạn 2016 - 2020:**

- Bảo vệ rừng: 95.308,7 lượt ha, bình quân 20.122,0 ha/năm. Trong đó:
  - + Rừng đặc dụng: 41.641,5 lượt ha, bình quân năm 8.328,3 ha/năm.
  - + Rừng phòng hộ: 53.667,2 lượt ha, bình quân 11.793,7 ha/năm.
- Phát triển rừng, gồm:
  - + Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên (rừng đặc dụng) 7.816,5 lượt ha, bình quân 1.563,3 ha/năm.
  - + Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung (rừng đặc dụng): 1.000,0 ha bình quân 200,0 ha/năm.

+ Trồng rừng mới: 2.581,2 ha (Trồng rừng phòng hộ đồi núi 40,9 ha, trồng rừng phòng hộ ven sông 161,3 ha, trồng rừng phòng hộ ven biển 2.299,0 ha, trồng rừng phòng hộ cửa sông 80,0 ha).

- Nâng cấp rừng trồng: 2.702,9 ha. Trong đó:

+ Rừng đặc dụng đồi núi: 156,0 ha.

+ Rừng phòng hộ: 2.546,9 ha (rừng phòng hộ đồi núi 1.853,6 ha, rừng phòng hộ ven biển 693,3 ha).

- Trồng cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng phòng hộ: 2.272,0 ha.

- Trồng cây phân tán: 4.376 nghìn cây (trồng cây phân tán ở khu vực nông thôn 4.025 nghìn, trồng cây xanh ở thị trấn các huyện 32 nghìn cây, trồng cây xanh đô thị ở các quận 168 nghìn cây, trồng cây xanh công viên 151 nghìn cây).

- Khai thác lâm sản: Gỗ 20.000 m<sup>3</sup>, bình quân 4.000 m<sup>3</sup>gỗ/năm.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp.

#### **4. Tổng nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn**

##### **4.1. Tổng vốn đầu tư**

Tổng số vốn đầu tư: **469.056,9** triệu đồng, chiếm 100%, trong đó:

- Vốn bảo vệ rừng: 29.587,0 triệu đồng, chiếm 6,3%.

- Vốn phát triển rừng: 212.515,1 triệu đồng, chiếm 45,3%.

- Các hoạt động khác 226.954,8 triệu đồng, chiếm 48,4%.

##### **4.2. Phân bổ theo giai đoạn và cơ cấu nguồn vốn**

- Giai đoạn 2013-2015: 190.049,5 triệu đồng. Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 89.851,7 triệu đồng (Ngân sách Trung ương 53.990,4 triệu đồng; ngân sách thành phố 35.861,3 triệu đồng).

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 17.365,4 triệu đồng.

+ Vốn huy động khác: 82.832,4 triệu đồng.

- Giai đoạn 2016-2020: 279.007,4 triệu đồng. Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 125.095,8 triệu đồng (Ngân sách Trung ương 88.116,4 triệu đồng; ngân sách thành phố 36.979,4 triệu đồng).

+ Vốn sự nghiệp kinh tế: 24.893,6 triệu đồng.

+ Vốn huy động khác: 129.018,0 triệu đồng.

#### **5. Các giải pháp**

##### **5.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức thực hiện Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020; giáo dục pháp luật về

bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; vận động các hộ gia đình sống trong rừng, gắn rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ rừng. Tuyên truyền, vận động các chủ rừng thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh sản xuất lâm nghiệp.

### **5.2. Công tác tổ chức quản lý và sản xuất**

- Tăng cường phân cấp quản lý nhà nước về rừng cho chính quyền các cấp theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, phát huy vai trò của chính quyền cơ sở. Quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của chủ rừng, chính quyền các cấp, các cơ quan thừa hành pháp luật, nếu để mất rừng, phá rừng, huỷ hoại rừng sẽ bị xử lý nghiêm và kịp thời theo pháp luật.

- Kiện toàn và nâng cao năng lực quản lý của Chi cục Kiểm lâm, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các đề án, dự án, chương trình bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các tổ chức nghiên cứu, giáo dục, đào tạo với các chủ rừng, doanh nghiệp và cộng đồng; gắn nghiên cứu, đào tạo, khuyến lâm với sản xuất và kinh doanh lâm nghiệp.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất kinh doanh rừng; chú trọng phát triển hình thức sản xuất lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng dân cư thôn và hợp tác xã.

### **5.3. Đẩy mạnh thực hiện chính sách quản lý đất lâm nghiệp, giao đất giao rừng**

- Chính sách quản lý rừng và đất lâm nghiệp:

+ Xác lập các lâm phận phòng hộ ổn định và triển khai kế hoạch cấm mốc ranh giới các loại rừng trên thực địa.

+ Áp dụng các quy định theo quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh và cơ chế hỗ trợ tài chính của Nhà nước để thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phòng hộ bền vững, tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp.

+ Tạo điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng và quyền sở hữu rừng theo quy định của pháp luật.

- Giao đất, giao rừng:

Tổ chức rà soát lại toàn bộ diện tích rừng, đất lâm nghiệp; lập hồ sơ quản lý rừng và giao đất, giao rừng. Đối với diện tích đất lâm nghiệp chưa giao, cần tiếp tục giao cho các hộ gia đình, cộng đồng và các tổ chức kinh tế, đảm bảo rừng phải có chủ quản lý theo quy định của pháp luật. Các diện tích rừng và đất lâm nghiệp đã giao, nhưng manh mún, phân tán, thực hiện dồn điền đổi thửa đất lâm nghiệp đảm bảo quy mô tối thiểu 1 ha trở lên, phát triển trang trại, gia trại rừng.

**5.4. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ để bảo vệ và phát triển rừng.**

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp theo Chiến lược phát triển giống cây trồng lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 62/2006/QĐ-BNN ngày 16/8/2006, phù hợp điều kiện thực tế của Hải Phòng.

- Tập trung nghiên cứu khảo nghiệm, chọn lọc và bổ sung tập đoàn cây trồng, kỹ thuật trồng chăm sóc bảo vệ rừng phù hợp với điều kiện đồi núi và ven biển của Hải Phòng.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ tin học trong công tác quản lý, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh hại rừng.

**5.5. Tổ chức thực hiện và vận dụng các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ để bảo vệ và phát triển rừng.**

- Chính sách tài chính và tín dụng:

+ Đầu tư ngân sách của Nhà nước cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ, trồng cây phân tán; nghiên cứu khoa học, khuyến lâm, đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 và Quyết định 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trồng rừng sản xuất; Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011- 2015; Quyết định 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và chế biến lâm sản; thử nghiệm và nhân rộng việc đấu thầu cho thuê rừng phục vụ cho bảo tồn, du lịch, nghỉ dưỡng.

+ Thành lập quỹ bảo vệ và phát triển rừng, có cơ chế quản lý, sử dụng nguồn quỹ hợp lý, nhằm đẩy nhanh quá trình xã hội hoá nghề rừng.

- Thực hiện chính sách hưởng lợi theo Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp; Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý rừng và các cơ chế chính sách hưởng lợi theo quy định của pháp luật; Thông tư liên tịch số 80/2003/TTLT/BNN-BTC ngày 03/9/2003 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định 178/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

### **5.6. Huy động nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch**

Tiếp tục thực hiện huy động các nguồn vốn đầu tư theo quy định tại Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020:

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương: Đầu tư cho các dự án trồng rừng phòng hộ ven biển quy mô lớn (Dự án Phục hồi và phát triển rừng ngập mặn phòng hộ ven biển Việt Nam giai đoạn I trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014-2020 theo Quyết định số 2164/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/9/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu theo Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu); trồng cây chắn sóng theo Chương trình Nâng cấp đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam theo Quyết định 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Dự án Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2020 và Dự án Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng của Vườn quốc gia Cát Bà giai đoạn 2011-2015.

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách thành phố: Đầu tư dự án Phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, phòng hộ ven sông; Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đồi núi.

- Vốn sự nghiệp kinh tế: Đầu tư khoán bảo vệ rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, xây dựng cơ sở vật chất phòng chống cháy rừng; Đề án phát triển trồng cây lâm nghiệp phân tán; Chương trình giống cây trồng lâm nghiệp; theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; xây dựng hệ thống thông tin trong quản lý lâm nghiệp....

- Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, bao gồm: Nguồn thu các hoạt động dịch vụ môi trường rừng; vốn viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ; vốn xã hội hoá trong công tác trồng, chăm sóc bảo vệ cây phân tán, trồng vườn rừng, trang trại rừng..., vốn các doanh nghiệp chế biến lâm sản.

### **5.7. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ quy hoạch**

- Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ lâm nghiệp các cấp, đặc biệt là ở cấp xã để đáp ứng yêu cầu đổi mới ngành.

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý, các doanh nghiệp, cộng đồng và hộ gia đình thông qua đào tạo tại chỗ, ngắn hạn và khuyến lâm.

- Thu hút các cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi để bổ sung cho các cơ quan trong ngành lâm nghiệp của thành phố.

### **5.8. Tăng cường hợp tác quốc tế và lồng ghép các chương trình, dự án để huy động các nguồn vốn thực hiện bảo vệ và phát triển rừng**

- Tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế, thu hút các nguồn lực đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng.

- Lòng ghép các dự án phát triển lâm nghiệp với các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo.

## **6. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Dự án bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng vườn quốc gia Cát Bà giai đoạn 2013-2020, có nhiệm vụ: Bảo vệ 66.446,4 lượt ha rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 12.506,4 lượt ha; khoanh nuôi có trồng bổ sung 2.235,0 ha; trồng mới rừng 100,0 ha; nâng cấp rừng trồng 156,0 ha; trồng cây cảnh quan ven đường 3,6 ha..., vốn đầu tư: 34.834,7 triệu đồng.

- Dự án Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Cát Bà giai đoạn 2011-2020, có nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ lâm sinh; cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý; hệ thống phòng cháy, chữa cháy rừng; công trình phục vụ du lịch sinh thái..., vốn đầu tư: 103.505,0 triệu đồng

- Dự án phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, ven sông, có nhiệm vụ: Bảo vệ rừng: 51.949,4 lượt ha (Ven biển cửa sông 50.485,4 lượt ha, ven sông 1.464,0 lượt ha); trồng mới rừng ven biển cửa sông 3.739,7 ha, ven sông 292,8 ha; nâng cấp rừng trồng ven biển ha 693,3 ha..., vốn đầu tư: 205.048,9 triệu đồng.

- Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đồi núi, có nhiệm vụ: Bảo vệ rừng 53.681,6 lượt ha; trồng mới rừng 840,1 ha; nâng cấp rừng trồng 1.853,6 ha; trồng cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng 3.072,0 ha; xây dựng 02 chòi canh lửa rừng; mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng, vốn đầu tư: 43.426,5 triệu đồng.

- Đề án phát triển trồng cây phân tán thành phố Hải Phòng, có nhiệm vụ đến năm 2020, trồng 8.499 ngàn cây phân tán nông thôn và cây xanh đô thị, vốn đầu tư: 58.274 triệu đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan tổ chức công bố Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được phê duyệt và tổ chức thực hiện; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí các nguồn vốn hàng năm để thực hiện.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan rà soát quy hoạch sử dụng đất để giao, cho thuê đất lâm nghiệp phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bảo vệ và Phát triển rừng và các quy định liên quan.



- Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan quản lý, thực hiện trồng cây xanh theo quy hoạch đô thị; kiểm tra, giám sát xây dựng các công trình hạ tầng lâm nghiệp theo quy định.

- Giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan xác định nội dung, tiêu chí và chỉ số giám sát đánh giá ngành lâm nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thống kê, kiểm kê rừng.

- Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường liên quan có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn và tổ chức thực hiện.

- Các Ban Quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện các dự án bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy hoạch; xây dựng phương án làm dịch vụ phát triển rừng cho các thành phần kinh tế, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hộ gia đình, tổ chức được giao rừng có trách nhiệm quản lý, sử dụng rừng và đất rừng theo đúng mục đích, đúng quy hoạch và theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CPVP;
- Như Điều 3;
- CV: NN, ĐC, XD, TC;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**  
**CHỦ TỊCH**

